TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2019/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 27 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Lâm Thị T1, sinh năm 1989.

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn T và chị Lâm Thị T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Lâm Thị T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Lâm Thị T1 có 01 con chung tên là Phạm Bích N, sinh ngày 15/02/2016. Các đương sự thống nhất, thỏa thuận

giao con chung cho chị Lâm Thị T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lâm Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn T không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh Phạm Văn T còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung**: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Anh Phạm Văn T phải chịu 75.000đ *(bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và chị Lâm Thị T1 phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc anh Phạm Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Phạm Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh Phạm Văn T đã nộp theo biên lai số 06157 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng